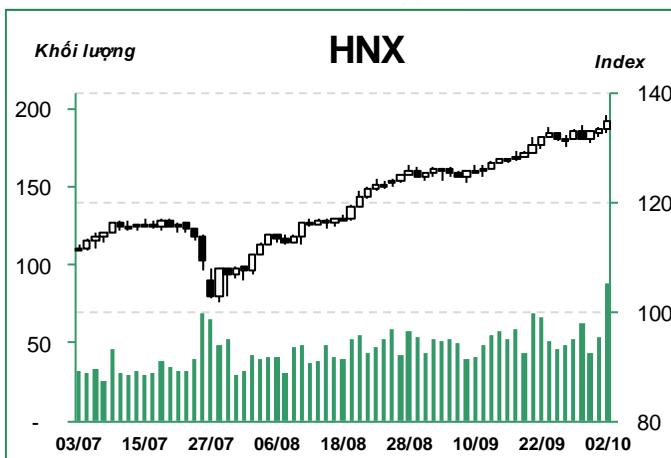
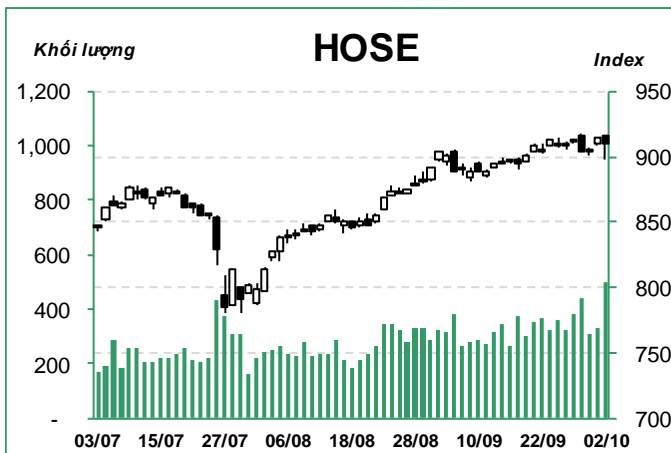


## Tổng quan thị trường

02/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>909.91</b>	<b>-0.46%</b>	<b>861.51</b>	<b>-0.70%</b>	<b>134.91</b>	<b>1.06%</b>
Cuối tuần trước	908.27	0.18%	854.71	0.80%	131.52	2.57%
Trung bình 20 ngày	902.96	0.77%	844.96	1.96%	130.46	3.41%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>527.16</b>	<b>49.57%</b>	<b>168.14</b>	<b>43.29%</b>	<b>89.36</b>	<b>58.08%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>501.30</b>	<b>51.81%</b>	<b>164.53</b>	<b>54.47%</b>	<b>87.92</b>	<b>62.33%</b>
Trung bình 20 ngày	343.34	46.01%	99.14	65.95%	55.17	59.36%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>8,592.17</b>	<b>27.07%</b>	<b>4,132.78</b>	<b>37.41%</b>	<b>1,294.78</b>	<b>80.37%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>8,127.60</b>	<b>38.26%</b>	<b>4,015.93</b>	<b>50.96%</b>	<b>1,278.89</b>	<b>85.26%</b>
Trung bình 20 ngày	5,776.60	40.70%	2,617.08	53.45%	660.24	93.70%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	106	23%	5	17%	77	22%
<b>Số mã giảm</b>	294	63%	21	70%	86	24%
<b>Số mã đứng giá</b>	65	14%	4	13%	192	54%



Thị trường có phiên giao dịch biến động với biên độ khá lớn, đặc biệt là trong phiên chiều sau thông tin Tổng thống Trump bất ngờ bị dương tính với Covid-19. Hầu hết các cổ phiếu đều đồng loạt bị bán tháo mạnh ngay khi phiên chiều mở cửa. Ngay sau đó, lực cầu bắt đáy đã xuất hiện giúp các chỉ số hồi phục vào cuối phiên. Ngoài ra, việc khối ngoại không phản ứng quá tiêu cực trong hôm nay mà chỉ duy trì mức bán ròng như những phiên trước cũng góp phần giúp thị trường có thêm động lực để hồi phục.

Trên sàn HoSE, VN-Index chốt phiên chỉ còn giảm hơn 4 điểm. Chỉ số đóng cửa tại mức 909.91 điểm (-0.46%), với thanh khoản bùng nổ. KLGD khớp lệnh đạt 501.3 triệu cổ phiếu (+51.8%), tương đương 8,128 tỷ đồng giá trị (+38.3%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn về bên bán với 294 mã giảm so với 106 mã tăng.

Áp lực bán lan tỏa đến hầu hết nhóm ngành. Trong số các trụ cột trên sàn HoSE, tác động tiêu cực nhất đến chỉ số là Vinhomes-VHM (-1.6%), Vietcombank-VCB (-0.9%), Vinamilk-VNM (-1.2%), BIDV-BID (-0.7%). Ở chiều ngược lại, Vingroup-VIC (+1.6%) bất ngờ được mua mạnh để đỡ chỉ số. Ngay cả lúc VN-Index giảm sâu nhất hơn 16 điểm thì cổ phiếu này vẫn trụ vững trong sắc xanh. Bên cạnh đó, Vietinbank-CTG (+1.3%), PV Power-POW (+2.9%) cũng tăng mạnh với khối lượng rất lớn.

Khối ngoại tiếp tục duy trì bán ròng trên sàn HoSE với giá trị 278.5 tỷ đồng (+5.7%). Những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Vinamilk-VNM (-70.4 tỷ), Vietinbank-CTG (-67.3 tỷ), Hòa Phát-HPG (-59.5 tỷ). Ngược lại, Chứng khoán SSI-SSI (+20.4 tỷ), Vingroup-VIC (+15.7 tỷ), Tập đoàn KIDO-KDC (+12.6 tỷ) được khối này tập trung mua ròng.

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
GEX	2,527.0	60.65
NVL	770.0	47.26
MBB	2,249.8	45.47
ABS	3,750.0	42.00
HNG	3,084.5	36.68
OGC	4,975.5	32.84
HPX	1,110.0	29.42
VNG	1,768.5	28.83
HVN	360.0	9.47
PMG	747.2	9.12
<b>HNX</b>		
NVB	800.0	7.68
SHB	182.3	2.84
GKM	119.0	2.02
NTP	30.0	1.01
SDA	184.8	0.92
VCC	77.0	0.90
SJE	13.2	0.24
THB	20.5	0.17
PTS	16.1	0.10

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index có diễn biến khá tích cực. Mặc dù chỉ số cũng bị bán tháo đầu phiên chiều nhưng đã nhanh chóng tăng trở lại và HNX-Index đóng cửa tại mức 134.91 điểm (+1.06%). Sàn Hà Nội cũng ghi nhận KLGĐ khớp lệnh đột biến trong phiên hôm nay với 87.9 triệu cổ phiếu (+62.3%), tương đương 1,278.9 tỷ đồng giá trị (+85.3%).

Ngân hàng Á Châu-ACB (+2.2%) là trụ cột kéo điểm chính cho sàn HNX-Index hôm nay với lượng khớp lệnh kỷ lục hơn 23 triệu cổ phiếu. Theo sau là Thaiholdings-THD (+6.0%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+5.7%) và Vicostone-VCS (+0.8%). Ở chiều ngược lại, những cổ phiếu gây áp lực cho chỉ số là Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (-2.9%), Dầu khí PTSC-PVS (-2.2%) và Cảng Hải Phòng-PHP (-1.8%).

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 15.5 tỷ đồng (+98.1%). Trong đó, những cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng nhiều là Dầu khí PTSC-PVS (-7.1 tỷ), Đầu tư Thăng Long-TIG (-3.2 tỷ) và Cảng Đoạn Xá-DXP (-2.8 tỷ). Trái lại, khối này tập trung mua ròng Nhựa Tiên Phong-NTP (+1.9 tỷ), Chứng khoán IB-VIX (+0.2 tỷ) và Bến xe Miền Tây-WCS (+0.2 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 6, cho thấy dòng tiền tham gia thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số vẫn duy trì đóng cửa trên MA5, MA20 và đồ thị xuất hiện nền bóng dưới dải thể hiện lực cầu bắt đáy giúp chỉ số giữ được xu hướng tăng hiện tại. Trong trường hợp, chỉ số tiếp tục tăng vượt đỉnh 917 thì sẽ có cơ hội tiến lên thử thách vùng kháng cự mạnh quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp và duy trì đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cho thấy xu hướng chính vẫn là tăng điểm và chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng 138.3 (đỉnh 2018). Nhìn chung, phiên giao dịch này cho thấy thị trường vẫn duy trì được xu hướng tăng và có cơ hội hướng lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu mạnh, có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
OGC	6.6	9,773.4	7.0%
ASG	53.8	195.4	7.0%
TCO	9.1	0.0	6.9%
CVT	21.1	1,511.1	6.9%
DIG	17.3	4,112.7	6.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TS4	3.8	34.2	-7.0%
DAT	28.5	3.9	-6.9%
SVC	67.0	0.8	-6.8%
TCR	3.5	0.1	-6.5%
DTA	4.1	48.0	-6.5%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	26.7	541.0	-1.1%
TCH	21.6	455.9	0.7%
CTG	27.0	358.0	1.3%
HSG	15.5	326.8	-2.2%
STB	13.5	314.6	-2.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	3.6	30,654.1	6.5%
STB	13.5	23,206.5	-2.2%
TCH	21.6	21,924.9	0.7%
HSG	15.5	21,207.0	-2.2%
HPG	26.7	20,213.1	-1.1%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.9	400.9	12.5%
HKB	0.9	748.1	12.5%
FID	1.1	74.2	10.0%
ADC	15.4	0.1	10.0%
SDG	27.5	2.0	10.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.6	115.9	-14.3%
SAF	54.9	0.2	-10.0%
MIM	10.8	0.2	-10.0%
L43	2.8	1.2	-9.7%
HEV	11.7	0.1	-9.3%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.0	540.2	2.2%
PVS	13.6	149.1	-2.2%
SHB	15.4	82.8	0.0%
SHS	12.7	72.7	-0.8%
VCS	75.6	53.9	0.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	23.0	23,518.5	2.2%
PVS	13.6	10,940.4	-2.2%
SHS	12.7	5,669.0	-0.8%
HUT	2.7	5,614.4	3.9%
SHB	15.4	5,375.9	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	328.2	4.0%	606.7	7.5%	-278.5
HNX	5.1	0.4%	20.6	1.6%	-15.5
<b>Tổng số</b>	<b>333.4</b>		<b>627.3</b>		<b>-294.0</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	108.0	58.5	-1.2%
MBB	19.9	45.3	0.0%
VIC	94.0	29.6	1.6%
SSI	17.8	27.4	-0.3%
HPG	26.7	26.3	-1.1%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	108.0	128.9	-1.2%
HPG	26.7	85.7	-1.1%
CTG	27.0	75.8	1.3%
MBB	19.9	44.6	0.0%
VRE	27.3	25.1	-1.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SSI	17.8	20.4	-0.3%
VIC	94.0	15.7	1.6%
KDC	36.7	12.6	0.0%
VCB	84.0	12.2	-0.9%
POW	10.6	5.2	2.9%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	33.5	1.9	-0.3%
IDV	52.8	1.0	-0.9%
PVS	13.6	0.5	-2.2%
TIG	6.9	0.2	-2.8%
VIX	12.9	0.2	-0.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.6	7.6	-2.2%
TIG	6.9	3.4	-2.8%
DXP	13.8	2.8	6.2%
ART	2.4	1.1	0.0%
IDV	52.8	0.9	-0.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	33.5	1.9	-0.3%
VIX	12.9	0.2	-0.8%
WCS	193.0	0.2	0.0%
DC4	13.8	0.1	-1.4%
CDN	23.5	0.1	2.6%

## Tin trong nước

### **Tôm, gạo sang EU bứt phá sau 2 tháng EVFTA hiệu lực**

Trong báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại tháng 9 và 9 tháng năm 2020, Bộ Công Thương cho biết Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ 1/8 đã làm tăng khả năng cạnh tranh và giúp hàng hóa của Việt Nam mở rộng thị phần tại các thị trường đối tác, là động lực thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu.

Theo báo cáo này, kể từ khi EVFTA có hiệu lực đến hết tháng 9, các tổ chức được ủy quyền đã cấp gần 15.000 bộ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1 với kim ngạch gần 700 triệu USD đi 28 nước EU. Các mặt hàng đã được cấp C/O mẫu EUR.1 chủ yếu là giày dép, thủy sản, nhựa và các sản phẩm nhựa, cà phê, hàng dệt may, túi xách, va li, rau quả, sản phẩm mây, tre, đan; nông sản; hàng điện tử...

Nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực tại thị trường EU sau gần 2 tháng EVFTA được thực thi. Điển hình, từ đầu tháng 8 đến nay, xuất khẩu thủy sản có số lượng đơn hàng tăng khoảng 10% so với tháng 7; kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó xuất khẩu tôm tháng 8/2020 tăng 15,7% so với cùng kỳ - mức tăng trưởng cao nhất kể từ đầu năm.

### **Hơn 3.700 nhà đầu tư mua gần 2.500 tỷ đồng trái phiếu VietinBank**

VietinBank (HoSE: CTG) hoàn tất phát hành gần 24,6 triệu trái phiếu, chiếm 82% tổng lượng chào bán và huy động hơn 2.459 tỷ đồng, gồm gần 11,8 triệu trái phiếu kỳ hạn 8 năm, đáo hạn vào năm 2028 và hơn 12,8 triệu trái phiếu kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2030.

Gần 11,8 triệu trái phiếu 2028 được bán cho 2.789 nhà đầu tư, trong khi có 932 nhà đầu tư mua 12,8 triệu trái phiếu 2030. Lượng trái phiếu này được phân phối qua hệ thống phòng giao dịch, chi nhánh của ngân hàng.

Trái phiếu là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm tài sản, được phát hành và thanh toán bằng VND, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp II.

Lãi trái phiếu được trả một lần mỗi năm với lãi suất thả nổi. Trong đó, trái phiếu 2028 có lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng với 0,9%/năm, trái phiếu 2030 có lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng 1%/năm. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng VND, lãi trả sau tại Agribank, BIDV, Vietcombank và VietinBank.

Theo kế hoạch sử dụng vốn ban đầu, dự kiến 3.000 tỷ đồng thu về sẽ dùng để bổ sung nguồn vốn cho vay 1.620 tỷ đồng ở ngành sản xuất và phân phối điện, 960 tỷ đồng ở ngành công nghiệp và chế biến chế tạo, 290 tỷ đồng ở ngành khai khoáng và còn lại vào ngành khác.



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **PVTrans sẽ chia cổ tức 19% trong quý IV**

HDQT Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVTrans, HoSE: PVT) vừa chấp thuận việc triển khai thực hiện chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 4% và phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 15%. Thời gian thực hiện trong quý IV.

Hiện PVTrans có 281,4 triệu cổ phiếu đang lưu hành. Theo đó, công ty dự kiến trích 113 tỷ đồng để chia tiền mặt và phát hành hơn 42,2 triệu cổ phiếu. Vốn điều lệ sau chia cổ tức có thể tăng thành 3.237 tỷ đồng.

Năm 2019, PVTrans đạt doanh thu 8.047 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gấp đôi năm trước đạt 821 tỷ đồng. Theo đó, cổ đông đã thống nhất mức chia cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 15% và cổ tức bằng tiền 4%.

Cho năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 6.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 433 tỷ đồng; giảm 22,5% và giảm 47,2% so với năm trước. Doanh nghiệp sẽ tiếp tục trẻ hóa đội tàu, riêng công ty mẹ đầu tư 4 tàu mới trị giá khoảng 71 triệu USD (hơn 1.600 tỷ đồng).

Báo cáo ước kinh doanh 9 tháng đầu năm, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 5.345 tỷ đồng, thực hiện 86% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 565 tỷ đồng, giảm gần 22% so với cùng kỳ nhưng vượt 3% kế hoạch năm.

### **HoSE nhận hồ sơ niêm yết của Vinaconex**

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo đã nhận hồ sơ đăng ký niêm yết của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex, HNX: VCG).

Cụ thể, Vinaconex nộp hồ sơ đăng ký niêm yết 441,7 triệu cổ phiếu, tương đương vốn điều lệ 4.417 tỷ đồng. Ngày HoSE nhận hồ sơ đăng ký niêm yết là 29/9.

Việc niêm yết cổ phiếu VCG được cổ đông Vinaconex thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020. Lãnh đạo Vinaconex cho rằng sàn HoSE có nhiều ưu điểm hơn so với HNX như quy mô lớn hơn, yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn vốn hóa, tính minh bạch... Theo đó, việc niêm yết cổ phiếu tại HoSE sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao vị thế, tạo lập uy tín, có cơ hội thu hút vốn đầu tư, đặc biệt từ nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh kế hoạch niêm yết, ĐHĐCĐ thường niên Vinaconex còn thông qua kế hoạch chào bán hơn 66 triệu cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 15% cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ sau phát hành dự kiến tăng lên 5.077 tỷ đồng.

Giá chào bán dự kiến 15.000 đồng/cp, nguồn vốn thu về khoảng 993,8 tỷ đồng để đầu tư các dự án như khu đô thị đại lộ Hòa Bình (Quảng Ninh), khu du lịch nghỉ dưỡng Condotel Resort (Phú Yên), làm vốn đối ứng tham gia dự án BOT...

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	KSB	Mua	05/10/20	31.1	31.1	0.0%	35	12.5%	29.8	-4.2%	Khả năng tiếp diễn xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	C47	Quan sát mua	05/10/20	9.8	11.3	Tín hiệu test cung tích cực với nền rút chân vol thấp, duy trì trên hỗ trợ 9.5-9.7 -> khả năng tiếp tục xu hướng tăng
2	TV2	Quan sát mua	05/10/20	47.6	55-56	Nhịp điều chỉnh về test MA50,200 với nền nhỏ dần -> chờ phiên breakout trendline sẽ cho tín hiệu nhịp tăng mới
3	CTI	Quan sát mua	05/10/20	14.2	17	Nhịp điều chỉnh về test MA50 với nền, vol nhỏ dần -> chờ phiên breakout trendline sẽ cho tín hiệu nhịp tăng mới
4	PC1	Quan sát mua	05/10/20	22	24	Phiên bật tăng mạnh từ vùng hỗ trợ quanh 21 với vol cao trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 21.7-21.8
5	TNG	Quan sát mua	05/10/20	13.2	14.8   16	Tín hiệu test cung tích cực với nền rút chân vol giảm, duy trì trên hỗ trợ 13 -> khả năng tiếp tục xu hướng tăng

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Mua	16/09/20	57.6	56.8	1.4%	60.9	7.2%	54.9	-3%	
2	MWG	Nắm giữ	17/09/20	104	94.6	9.9%	112	18.4%	90	-5%	
3	VNM	Mua	21/09/20	108	103.6	4.2%	112.5	9%	101.6	-2%	
4	CTG	Mua	23/09/20	26.95	25.8	4.5%	28	9%	25.2	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	HPG	Mua	28/09/20	26.7	25.75	3.7%	30	17%	25	-3%
6	KBC	Mua	29/09/20	14.1	14.3	-1.4%	15.8	10%	13.8	-3%
7	BFC	Mua	01/10/20	17	17	0.0%	18.7	10%	16.3	-4%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 02/10/2020						Thông tin chứng quyền						
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,230	0 %	-20%	3	75	68,700	16	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,780	-4.4 %	48%	4,034	38	50,300	858	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,670	-8.7 %	11%	2,864	27	50,300	1,408	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,640	0 %	-3%	6,231	21	50,300	1,375	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,410	-2.8 %	-6%	16,138	104	50,300	664	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,300	0 %	-7%	3,672	77	50,300	1,312	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHDB2006	2,180	3,900	1.3 %	79%	712	6	24,700	31	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2008	4,100	5,530	-3.2 %	35%	49,749	59	26,700	193	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	5,040	-4.6 %	215%	47,281	27	26,700	2,125	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	7,550	-3.5 %	24%	16,458	108	26,700	1,311	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	9,070	-3.3 %	31%	1,460	60	26,700	2,832	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	8,560	-2.0 %	19%	1,024	199	26,700	2,319	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	8,150	-0.2 %	22%	248	150	26,700	1,777	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	3,280	-5.2 %	49%	19,232	104	26,700	400	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,100	-2.3 %	29%	32,579	77	26,700	1,404	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,200	-3.5 %	10%	3,045	38	19,850	1,907	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMBB2005	2,000	800	14.3 %	-60%	77	24	19,850	110	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,730	-0.6 %	57%	27,472	27	19,850	1,693	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,890	0 %	35%	2,808	104	19,850	1,508	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	370	-5.1 %	-84%	10,440	75	54,100	0	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	250	-16.7 %	-88%	5,263	27	54,100	0	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,160	-1.7 %	-39%	12,020	104	54,100	259	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,380	-2.1 %	-10%	3,551	66	54,100	402	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	500	-13.8 %	-75%	1,431	24	104,000	2	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	18,090	-9.7 %	40%	2,895	59	104,000	17,426	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,980	-3.9 %	52%	35,393	25	104,000	1,918	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,750	-3.2 %	72%	8,748	21	104,000	2,768	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,560	-3.0 %	83%	6,428	104	104,000	2,273	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,080	-8.5 %	37%	3,824	77	104,000	3,514	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,580	-2.6 %	27%	20,268	129	104,000	4,982	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,990	49.6 %	-13%	1	75	63,500	68	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	-	0 %	-100%	-	159	63,500	974	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	140	-6.7 %	-93%	10,129	24	61,000	(0)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	410	-8.9 %	-59%	42,640	27	61,000	132	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	840	-1.2 %	-16%	5,865	104	61,000	371	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,130	-1.4 %	28%	10,573	49	61,000	1,643	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,790	-3.1 %	-8%	5,785	129	61,000	2,325	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,420	3.0 %	142%	24,367	27	40,150	2,043	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	4,000	0.3 %	155%	721	21	40,150	3,567	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,660	3.1 %	105%	3,222	104	40,150	1,983	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	120	-29.4 %	-88%	5,364	75	2,160	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	450	50.0 %	-84%	15,208	75	16,200	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,230	-7.5 %	31%	2,848	75	13,450	1,650	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,720	-9.9 %	94%	66,589	59	13,450	2,504	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2005	1,080	1,000	-6.5 %	-7%	55,918	32	13,450	835	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,290	-7.2 %	-14%	37,264	185	13,450	685	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,450	-6.8 %	130%	15,660	49	13,450	3,291	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,150	-6.8 %	91%	18,668	77	13,450	2,620	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	210	-25.0 %	-90%	507	24	22,550	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,910	-6.8 %	-36%	15,609	59	22,550	869	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,320	-3.3 %	93%	23,202	27	22,550	2,295	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,900	-5.0 %	12%	10,186	104	22,550	1,399	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,890	-2.1 %	10%	11,781	77	22,550	1,348	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	750	-11.8 %	-76%	151	75	75,900	0	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,740	-9.5 %	-59%	3,126	59	75,900	1,308	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	800	-9.1 %	-20%	40,493	27	75,900	606	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2005	1,400	770	-9.4 %	-45%	55,433	104	75,900	188	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,840	-6.6 %	-37%	7,901	129	75,900	893	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	170	-5.6 %	-93%	2,301	75	104,900	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	240	-7.7 %	-87%	1,111	27	104,900	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,460	-0.7 %	-27%	2,004	129	104,900	741	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	20,300	-1.7 %	16%	102	59	108,000	71	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,100	-3.7 %	107%	8,622	27	108,000	524	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,690	-1.7 %	-30%	693	159	108,000	16	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,450	-3.2 %	36%	9,277	104	108,000	162	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,990	-1.3 %	65%	31,163	66	108,000	309	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,880	-3.0 %	7%	11,848	129	108,000	397	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,480	-16.4 %	-56%	38,762	59	23,650	473	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	960	-13.5 %	-44%	37,791	27	23,650	604	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,780	-4.8 %	-1%	14,687	104	23,650	1,083	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,220	-0.9 %	36%	12,956	49	23,650	1,766	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	270	0 %	-91%	1,846	75	27,300	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2005	4,000	1,750	-8.9 %	-56%	17,533	59	27,300	421	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,140	1.8 %	4%	9,421	27	27,300	1,088	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	500	-10.7 %	-67%	115,920	185	27,300	102	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	980	-4.9 %	-18%	30,815	104	27,300	513	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">ANV</a> (New)	HOSE	19,400	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
<a href="#">DXG</a> (New)	HOSE	10,300	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
<a href="#">ACV</a> (New)	UPCOM	65,800	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
<a href="#">NLG</a> (New)	HOSE	26,000	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	47,850	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	68,700	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
<a href="#">DBD</a>	HOSE	47,000	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	84,000	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a>	HOSE	50,200	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a>	HOSE	57,800	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	27,300	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,600	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	104,000	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	63,500	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,200	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	121,800	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	54,100	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	26,700	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: [www.phfm.vn](http://www.phfm.vn)